

Số: /2018/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2017/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

1. Sửa đổi khoản 2, Điều 3 như sau: “ 2. Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thực hiện công khai tài chính đối với nguồn quỹ có từ ngân sách nhà nước và có nguồn từ đóng góp của nhân dân; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”

2. Sửa đổi các điểm “1.1; 1.2; 1.3; 1.4”, khoản 1, Điều 4” tương ứng thành “a, b, c, d”

Sửa đổi các điểm “2.1; 2.2; 2.3; 2.4”, khoản 2, Điều 4” tương ứng thành “a, b, c, d”

Sửa đổi các điểm “ 3.1; 3.2; 3.3”, khoản 3, Điều 4” tương ứng thành “ a, b, c”

3. Điểm a, khoản 1, Điều 4, được sửa đổi như sau “Tiền ăn: Mức thu/ngày theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn”.

4. Điểm b, khoản 1, Điều 4, được sửa đổi, bổ sung như sau:“b. Các khoản thu theo tháng Tiền thuê nấu ăn, tiền nước uống: mức thu theo thỏa thuận với cha mẹ trẻ, thu theo tháng.

Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn).

Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 12.000 đồng/trẻ/tháng, để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh”.

5. Điểm a, khoản 2, Điều 4, được sửa đổi như sau: “Tiền ăn học sinh bán trú: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ học sinh; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày học sinh thực ăn”.

6. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau “Trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị dạy học, bàn ghế phục vụ cho dạy và học, các cơ sở giáo dục tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tự nguyện đóng góp, theo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc, không bình quân hoá mức đóng góp, thu đủ chi. Khoản vận động này ngoài các kế hoạch huy động của UBND xã đã được HĐND cùng cấp phê duyệt.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 8 như sau “2. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã công khai các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh biết; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch tổ chức thẩm định phê duyệt kế hoạch thu, chi của từng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn; UBND các xã, phường, thị trấn có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý về các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện do cơ sở giáo dục đề xuất. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quản lý và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện thu, chi của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện, thành phố”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp (b/c);
- Các bộ: GD&ĐT, Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- LĐVP, TKCT, TH;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Linh

Số: /TTr-SGDĐT

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Thông báo số 05/TB-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo kết quả phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 3 năm 2018;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Quy định số 16) cụ thể như sau:

I. CÁC CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Các căn cứ pháp lý

Một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính có liên quan ban hành sau Quy định số 16 cụ thể như sau:

- Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thay thế Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (thay thế Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009).

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (thay thế Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC).

2. Tình hình thực tiễn sau 01 năm Quy định số 16

Quy định số 16 được triển khai thực hiện trong năm học 2017-2018 đã có nhiều ưu điểm rõ nét, góp phần công khai, minh bạch trong các cơ sở giáo dục; kỷ cương nề nếp trong công tác quản lý nói chung, quản lý các khoản thu từ người học nói riêng được tăng cường; tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục giảm rõ rệt. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Quy định số 16 vẫn còn những bất cập cần sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

- Quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản thu còn nhiều đối tượng tham gia và chưa rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan liên quan. Một số địa phương, chưa phân định rõ thẩm quyền huy động xây dựng trường của Hội đồng nhân dân cấp xã và việc cơ sở giáo dục huy động tu sửa cơ sở vật chất thông qua đóng góp tự nguyện của phụ huynh.

- Việc triển khai thu tiền học 2 buổi/ngày của các trường tiểu học theo quy định (đối với các trường thiếu giáo viên) nảy sinh những bất cập, tạo ra bất bình đẳng tại các xã, phường, thị trấn trong cùng huyện, thành phố (học sinh vùng khó khăn do thiếu giáo viên, học sinh phải đóng nhiều tiền hơn).

- Mức thu tiền vệ sinh ở trường mầm non 8.000 đồng/tháng là thấp, không đáp ứng được yêu cầu (do học sinh mầm non nhỏ không làm được phải thuê người vệ sinh). Các cơ sở giáo dục rất khó khăn trong việc tính toán để tách riêng tiền điện thấp sáng và chạy quạt lớp học khi học sinh bán trú tại trường.

- Thực tế hoạt động theo chức năng gắn với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục học sinh của các bậc học chưa được quy định đầy đủ (Chưa quy định bán trú của học sinh THCS...)

Từ những căn cứ trên, việc UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quy định số 16 là cần thiết.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG

Sở GD&ĐT đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định số 16 như sau:

1. Sửa đổi khoản 2, Điều 3 “ 2. Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thực hiện công khai tài chính đối với nguồn quỹ có từ ngân sách nhà nước và có nguồn từ đóng góp của nhân dân; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”

Lý do: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 ban hành thay thế Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sửa đổi các điểm “1.1; 1.2; 1.3; 1.4”, khoản 1, Điều 4” tương ứng thành “a, b, c, d”

Sửa đổi các điểm “2.1; 2.2; 2.3; 2.4”, khoản 2, Điều 4” tương ứng thành “a, b, c, d”

Sửa đổi các điểm “ 3.1; 3.2; 3.3”, khoản 3, Điều 4” tương ứng thành “ a, b, c”

Lý do: để đảm bảo đúng với quy định về thể thức của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 4 là để đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tách riêng tiền ăn, tiền thuê nấu ăn, tiền nước uống trong các trường mầm non;

- Không thu tiền điện thấp sáng và chạy quạt buổi trưa (số tiền này do ngân sách chi trả); chỉ thu tiền điện chạy điều hòa tại lớp học.

- Tăng mức thu tiền vệ sinh trong các trường mầm non từ 8.000 lên không quá 12.000 đồng/trẻ/tháng (Một số ý kiến đề nghị lên 16.000 đồng, nhưng Sở GD&ĐT xem xét thấy mức 12.000 đồng/tháng là phù hợp, do học sinh mầm non nhỏ không làm được phải thuê người vệ sinh).

4. Sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 4, để bỏ quy định tại về tiền học 02 buổi/ngày.

Lý do: Việc bố trí giáo viên của một số địa phương không đảm bảo cân đối giữa các trường tiểu học trên địa bàn huyện, thành phố (ở các trường tiểu học ở vùng thuận lợi có tỷ

lệ giáo viên/lớp cao hơn các trường vùng khó khăn), nếu thực hiện thu tiền học 2 buổi/ngày theo quy định thì học sinh vùng khó khăn phải đóng nhiều tiền hơn, dẫn đến bất bình đẳng trong các địa phương.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5: “Trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị dạy học, bàn ghế phục vụ cho dạy và học, các cơ sở giáo dục tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tự nguyện đóng góp, theo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc, không bình quân hoá mức đóng góp, thu đủ chi. Khoản vận động này ngoài các kế hoạch huy động của UBND xã đã được HĐND cùng cấp phê duyệt.”

Lý do: Để UBND xã nắm được các nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị dạy học, bàn ghế phục vụ cho dạy và học của nhà trường nhưng ngân sách địa phương không có, kinh phí nhà trường không đáp ứng được và không phải các dự án, công trình xây dựng đã được HĐND cấp xã hoặc HĐND cấp huyện phê duyệt huy động. Trên cơ sở đó UBND xã đồng ý hoặc không đồng ý đơn vị huy động tự nguyện (trước đây thường gọi là xã hội hóa).

6. Bổ sung trách nhiệm của UBND cấp xã trong quá trình tổ chức thực hiện. Bổ sung khoản 2, Điều 8 cụm từ: “UBND các xã, phường, thị trấn có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý về các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện do cơ sở giáo dục đề xuất”

(Có dự thảo Quyết định gửi kèm).

III. QUY TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Tiếp thu các ý kiến kiến nghị tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh tháng 3 năm 2018, Sở GD&ĐT đã đề nghị UBND các huyện, thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 16/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh trong năm học 2017-2018; đồng thời khảo sát thực tế của các nhà trường để đề xuất những nội dung cần phải sửa đổi. Qua báo cáo các địa phương cũng đưa ra các ý kiến kiến nghị sửa đổi, Sở GD&ĐT đã tổng hợp các ý kiến và xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung, xin ý kiến của UBND các huyện, thành phố và các sở, ban ngành có liên quan theo quy định.

(Có biểu tổng hợp các ý kiến kèm theo).

Sở GD&ĐT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Nam

TỔNG HỢP
Ý KIẾN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 16 CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày /6/2018 của Sở GD&ĐT)

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Quy định tại Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017	Đề xuất sửa đổi	Ý kiến của Sở GD&ĐT
1	UBND huyện Lục Ngạn	<p>1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thoả thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn.</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn).</p> <p>3. Mục 3, Điều 8: “và tổ chức thông báo bằng văn bản gửi tới từng gia đình học sinh làm căn cứ quyết toán, kiểm tra và thanh tra.”</p>	<p>1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo tháng</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Bãi bỏ khoản thu tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa (thắp sáng, chạy quạt) mà chỉ thu tiền điện phục vụ chạy máy điều hòa nhiệt độ (đối với các trường có lắp điều hòa tại phòng học).</p> <p>3. Điều chỉnh Mục 3, Điều 8: Bỏ cụm từ “và tổ chức thông báo bằng văn bản gửi tới từng gia đình học sinh làm căn cứ quyết toán, kiểm tra và thanh tra” vì việc thực hiện đã được công khai theo quy định của Nhà nước.</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Giữ nguyên như quy định</p>
2	UBND huyện Lạng Giang	<p>1. Mục 3, Điều 8: “và tổ chức thông báo bằng văn bản gửi tới từng gia đình học sinh làm căn cứ quyết toán, kiểm tra và thanh tra.”</p>	<p>1. Điều chỉnh Mục 3, Điều 8: Bỏ cụm từ “và tổ chức thông báo bằng văn bản gửi tới từng gia đình học sinh làm căn cứ quyết toán, kiểm tra và thanh tra” vì việc thực hiện đã được công khai theo quy định của Nhà nước.</p>	Giữ nguyên như quy định

		<p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn). - Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng</p> <p>3. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn.</p> <p>4. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: Tiền điện phục vụ chạy máy điều hòa nhiệt độ tại phòng học: Thu, chi theo số dùng thực tế theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo từng tháng/học sinh.</p>	<p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: - Tiền điện ở các trường mầm non không lắp công tơ điện riêng tại các phòng học nên được tính theo tỷ lệ: 60% từ ngân sách, 40% từ người học. - Tiền vệ sinh: Tăng mức thu tiền vệ sinh các trường Mầm Non từ 8.000 đồng/tháng/hs lên 12.000 đồng/tháng/hs</p> <p>3. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo tháng</p> <p>4. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: Đối với các trường TH, THCS, PTCS: cho thu tiền điện đối với các trường không ăn bán trú, các lớp không sử dụng điều hòa. - Tăng thu tiền vệ sinh từ 5.000 đồng/tháng/hs lên 8.000 đồng/tháng/hs</p>	<p>Tiếp thu đề xuất của các đơn vị là bỏ nội dung này</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu đề xuất của các đơn vị là bỏ nội dung này Giữ nguyên như quy định</p>
3	UBND huyện Hiệp Hòa	<p>1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn.</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tiền vệ sinh mức</p>	<p>1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo tháng</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tăng mức thu</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p>

		thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng	tiền vệ sinh các trường Mầm Non từ 8.000 đồng/tháng/hs lên 10.000 đồng/tháng/hs	Tiếp thu
4	UBND huyện Yên Thế	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn. 2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tiền vệ sinh mức thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo tháng 2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tăng mức thu tiền vệ sinh các trường Mầm Non từ 8.000 đồng/tháng/hs lên 12.000 đồng/tháng/hs	Tiếp thu Tiếp thu
5	UBND huyện Lục Nam	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn. 2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: - Tiền vệ sinh mức thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng - Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chỉ theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn).	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo tháng 2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: - Tăng mức thu tiền vệ sinh các trường Mầm Non từ 8.000 đồng/tháng/hs lên 12.000 đồng/tháng/hs - Bãi bỏ khoản thu tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa (thắp sáng, chạy quạt) mà chỉ thu tiền điện phục vụ chạy máy điều hòa nhiệt độ (đối với các trường có lắp điều hòa tại phòng học).	Tiếp thu Tiếp thu Tiếp thu
6	UBND huyện Việt Yên	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn.	1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.1 - Tiền ăn bao gồm tiền ăn/ngày và tiền thuê người nấu. Tách tiền ăn thu theo ngày, tiền thuê người nấu chuyển mục 1.2 thu theo tháng - Tiền nước uống chuyển mục 1.2 thu theo	Tiếp thu

		<p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thấp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn).</p> <p>3. Điều 4 Mục 3 khoản 3.3: “.....hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch...”</p>	<p>tháng</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: Bãi bỏ khoản thu tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa (thấp sáng, chạy quạt) mà chỉ thu tiền điện phục vụ chạy máy điều hòa nhiệt độ (đối với các trường có lắp điều hòa tại phòng học).</p> <p>3. Điều 4 Mục 3 khoản 3.3: Bỏ cụm từ “tham quan, du lịch”</p> <p>4. Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn khoản thu vận động ủng hộ tự nguyện để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học (vì nhiều xã coi đó là tiền xã hội hóa giáo dục)</p>	<p>Tiếp thu</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Không trong phạm vi quyết định 16</p>
7	UBND TP Bắc Giang	<p>1. Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: - Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thấp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn). - Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.3: Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản như xoong, nồi, bếp ga chỉ thu đối với trẻ mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao như xà phòng, rô, nước rửa bát thu theo trẻ ăn bán trú và thu theo học kỳ.</p> <p>3. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: không có</p>	<p>1. . Điều 4 Mục 1 khoản 1.2: - Tiền điện ở các trường mầm non không lắp công tơ điện riêng tại các phòng học nên được tính theo tỷ lệ: 60% từ ngân sách, 40% từ người học.</p> <p>- Tăng mức thu tiền vệ sinh các trường Mầm Non từ 8.000 đồng/tháng/hs lên 16.000 đồng/tháng/hs</p> <p>2. Điều 4 Mục 1 khoản 1.3: Sửa thành 2 ý - “Tiền mua sắm sửa chữa vật dụng dùng chung phục vụ bán trú chỉ thu đối với trẻ mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp”. - “ Các vật dụng vật tư tiêu hao thu theo trẻ ăn bán trú và thu theo học kỳ”.</p> <p>3. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: Bổ sung mức thu tiền ăn học sinh bán trú và tiền phục vụ học</p>	<p>Tiếp thu đề xuất của các đơn vị là bỏ nội dung này</p> <p>Tiếp thu đề xuất không quá 12.000 đồng/tháng/hs</p> <p>Tiếp thu</p>

			sinh bán trú (trông trưa) đối với trường THCS có tổ chức bán trú cho học sinh. Hiện nay Quyết định số 16/QĐ-UBND chưa có quy định mức thu đối với trường THCS	Tiếp thu
Các trường THPT và trung tâm trực thuộc Sở	1. Điều 4 Mục 3 khoản 3.2: Luyện kỹ năng làm bài thi: Trong quá trình thực hiện tổ chức dạy và học để nâng cao kỹ năng làm bài thi tuyển sinh, tốt nghiệp, tùy theo điều kiện của đơn vị, nhu cầu của nhân dân, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thống nhất với phụ huynh tổ chức thi thử cho học sinh, mức thu đủ để chi cho ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm; bì đựng giấy kiểm tra.	1. Điều 4 Mục 3 khoản 3.2: Tăng mức thu rèn kỹ năng làm bài thi 12.000đ/môn/hs/lầnthi (năm học 2017-2018 Sở duyệt 4.000 đồng/môn). Mức thu này quá thấp không đủ để chi phí cho Hội đồng thi.	Không trong phạm vi quyết định 16	
	2. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 5.000 đồng/học sinh/tháng	2. Điều 4 Mục 3 khoản 3.1: Tăng thu tiền vệ sinh từ 5.000 đồng/tháng/hs lên 6.000 đồng/tháng/hs để đủ kinh phí chi trả công cho người lao động vệ sinh. Tiền nước uống tăng lên 7.000 đồng/tháng/hs	Giữ nguyên như quy định	